

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2021.

V/v xin ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đại Thắng.

2. Ông Đặng Thành Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 90A/2021/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXX-ST ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: ấp Phước Lợi, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: ấp Phước Lợi, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/03/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn kết hôn năm 1991 có làm lễ cưới theo truyền thống, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân là do nguyên đơn và bị đơn quen biết tự nguyện tiến tới hôn nhân. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong tính tình, cách sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng

không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có ba con chung chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 07/12/1993, anh Nguyễn Văn B, sinh ngày 14/9/1996, chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 22/01/2005. Chị T và anh B đã trưởng thành nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn yêu cầu để bị đơn nuôi dưỡng chị L, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê Thị H trình bày: Bị đơn và nguyên đơn tự nguyện tới hôn nhân vào năm 1991 có làm lễ cưới theo truyền thống không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn vợ chồng do nguyên đơn và không còn phù hợp nhau về tính tình, cách sống. Bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Thời gian chung sống bị đơn và nguyên đơn có ba con chung như nguyên đơn trình bày, bị đơn đồng ý nuôi con chung chị L và nguyên đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng. Về con chung theo nguyện vọng của con chung và theo sự thỏa thuận của đương sự giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng nguyên đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Nguyễn Tấn Đ khởi kiện về việc xin ly hôn với bị đơn Lê Thị H và bị đơn hiện đang cư trú tại ấp Phước Lợi, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án về việc xin ly hôn, và nuôi con yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1991 có tổ chức lễ cưới theo truyền thống và không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống về tính tình và cách sống, nguyên đơn và bị đơn không còn phù hợp nhau, vợ chồng tự ai nấy sống. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung thời gian chung sống nguyên đơn và bị đơn có ba con chung, con chung có nguyện vọng được sống với nguyên đơn, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con bị đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điều 9, 53, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Tấn Đ và bị đơn Lê Thị H không phải là vợ chồng.

1.2. Về con chung Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng chị Nguyễn Thị Ngọc L, giới tính: Nữ, sinh ngày 22/01/2005. Về cấp dưỡng nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích, của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Tấn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0007766 ngày 20/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Nguyên đơn không phải nộp thêm.

3. Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- UBND xã đã đăng ký kết hôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân